TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 12/7/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Phan Đình Xiềng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS, ngày 01/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; Địa chỉ: Làng K, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi S; Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc; Địa chỉ: Làng K, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hứa Thị Trung N; Địa chỉ: Số M, phường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; Địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang T; Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa là cà phê và tiêu với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H theo các hợp đồng kinh tế mua bán cà phê số 25/2021/SHP-HT ngày 12-4-2021 với giá trị là 2.632.000.000 đồng để mua 80.000kg cà phê Robusta nhân xô, số 26/2021/SHP-HT

ngày 19-4-2021 với giá trị là 1.316.000.000 đồng để mua 40.000kg cà phê Robusta nhân xô, số 27/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 1.655.000.000 đồng để mua 50.000kg cà phê Robusta nhân xô; Các hợp đồng kinh tế mua bán tiêu số 23/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 3.186.432.900 đồng để mua 43.537kg tiêu đen, số 24/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 2.233.559.100 đồng để mua 30.490kg tiêu đen, số 25/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 1.176.983.500 đồng để mua 16.030 kg tiêu đen, số 26/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 1.979.004.000 đồng để mua 27.328kg tiêu đen, số 27/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 3.930.000.000 đồng để mua 60.000kg tiêu đen.

Thực hiện các hợp đồng nói trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H theo các hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên thông qua các ủy nhiệm chi sau: Ngày 26-4-2021 thanh toán số tiền 4.294.500.000 đồng, ngày 27-4-2021 thanh toán số tiền 1.544.000.000 đồng, ngày 28-4-2021 thanh toán số tiền 1.655.000.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đã giao hàng hóa gồm 95.239kg cà phê Robusta theo các phiếu nhập kho số 4111, 4123 và 117.385kg tiêu đen theo các phiếu nhập kho số 3498, 4120, 4121,4122. Sau đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không tiếp tục thực hiện giao hàng hóa theo hợp đồng đã ký kết.

Ngày 05-5-2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H thực hiện việc lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn H công nhận nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 3.395.059.000 đồng. Đến ngày 13-5-2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H thanh toán số tiền là 500.000.000 đồng và tiếp tục ký biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận ngày 23-9-2021 xác nhận còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 2.895.059.000 đồng và cam kết đến trước ngày 31-12-2021 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ nói trên. Tuy nhiên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Do vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S toàn bộ số tiền nợ theo các hợp đồng mua bán hàng hóa, bao gồm: Nợ gốc là 2.895.059.000 đồng (hai tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến khi Tòa án giải quyết vụ án theo mức lãi suất là 10%/năm.

2. Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn H và người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S các hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa, loại cà phê và tiêu với lượng hàng hóa cần cung ứng và số tiền cụ thể đã được liệt kê cụ thể tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S. Công ty H đã nhiều đợt cung ứng hàng hóa cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S nhưng vẫn chưa đủ lượng hàng hóa mà các bên đã thỏa thuận.

Ngày 23/9/2021 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn H với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đã tiến hành lập "*Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ số lượng cà phê, tiêu*" để đối chiếu và xác nhận công nợ nhằm chấm dứt việc thực hiện nghĩa vụ cung ứng hàng hóa còn thiếu của các hợp đồng đã ký kết, được thể hiện tại Biên bản với nội dung "*Tính đến ngày 23/9/2021 bên B (Công ty TNHH H) còn nợ bên A (Công ty TNHH MTV S) số tiền là 2.895.059.000 đồng; tính đến ngày 23/9/2021 số lượng cà phê và tiêu hai bên không con nợ nần gì nhau vì đã quy đổi thành tiền*". Công ty Hành Thành xác nhận còn nợ phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 2.895.059.000 đồng, cam kết thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 31/12/2021. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên Công ty H chưa thực hiện được nghĩa vụ thanh tóa đúng hạn như đã thỏa thuận.

Công ty TNHH H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S về việc yêu cầu Công ty TNHH H thanh toán số tiền 2.895.059.000 đồng, cùng với tiền lãi phát sinh do chậm trả kể từ sau ngày 31/12/2021.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy ủy quyền ngày 15-3-2022; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; Các Hợp đồng kinh tế số 25/2021/SHP-HT ngày 12-4-2021, số 26/2021/SHP-HT ngày 19-4-2021, số 27/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021; Hợp đồng kinh tế 23/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021, số 24/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021, số 25/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021, số 26/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021, số 27/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021; Các phiếu nhập kho số 0004111 ngày 23-4-2021 và 0004123 ngày 28-4-2021; Các phiếu nhập kho số 0004120, 0004121, 0004122 ngày 26-4-2021 và số 0003498 ngày 23-4-2021; Ủy nhiệm chi số 604179221042700004 và 604179221042800002, Giấy báo nợ ngày 27-4-2021 và ngày 28-4-2021 tại Ngân hàng BIDV; Giấy xác nhận ngày 13-5-2021; Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ số lượng cà phê, tiêu ngày 05-5-2021; Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ số lượng cà phê, tiêu ngày 23-9-2021; Bảng tính lãi do chậm thanh toán ngày 25-02-2022; 01 Biên bản xác minh ngày 06-12-2022 của Tòa án; 01 Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 909/VPCQCSĐT-Đ1 ngày 26-8-2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai; 01 Đơn tố giác tội phạm ngày 21-02-2022; 01 Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 397/VPCQCSĐT-Đ1 ngày 20-3-2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai; 01 Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 11/QĐ-VPCQCSĐT-Đ1 ngày 20-3-2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai; 01 Kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 23-8-2033 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai; Biên bản ghi lời khai bà Huỳnh Thị Lệ H, ông Nguyễn Phi S, bà Tô Thị Mỹ H, ông Trần Quang T của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ

các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S toàn bộ số tiền nợ theo các hợp đồng mua bán hàng hóa, bao gồm: Nợ gốc là 2.895.059.000 đồng, nợ lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến khi Tòa án giải quyết vụ án theo mức lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại các Điều 30, Điều 35 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết; Hợp đồng mua bán hàng hóa được giao kết giữa hai bên chủ thể đều có đăng ký kinh doanh nên được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật;

[2] Về việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa là cà phê và tiêu với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H theo các hợp đồng kinh tế mua bán cà phê số 25/2021/SHP-HT ngày 12-4-2021 với giá trị là 2.632.000.000 đồng để mua 80.000kg cà phê Robusta nhân xô, số 26/2021/SHP-HT ngày 19-4-2021 với giá trị là 1.316.000.000 đồng để mua 40.000kg cà phê Robusta nhân xô, số 27/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 1.655.000.000 đồng để mua 50.000kg cà phê Robusta nhân xô; Các hợp đồng kinh tế mua bán tiêu số 23/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 3.186.432.900 đồng để mua 43.537kg tiêu đen, số 24/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 2.233.559.100 đồng để mua 30.490kg tiêu đen, số 25/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 1.176.983.500 đồng để mua 16.030 kg tiêu đen, số 26/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 1.979.004.000 đồng để mua 27.328kg tiêu đen, số 27/2021/SHP-HT ngày 22-4-2021 với giá trị là 3.930.000.000 đồng để mua 60.000kg tiêu đen.

Thực hiện các hợp đồng nói trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H theo các hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên thông qua các ủy nhiệm chi sau: Ngày 26-4-2021 thanh toán số tiền 4.294.500.000 đồng, ngày 27-4-2021 thanh toán số tiền 1.544.000.000 đồng, ngày 28-4-2021 thanh toán số tiền 1.655.000.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đã giao hàng hóa gồm 95.239kg cà phê Robusta theo các phiếu nhập kho số 4111, 4123 và 117.385kg tiêu đen theo các phiếu nhập kho số 3498, 4120, 4121,4122. Sau đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không tiếp tục thực hiện giao hàng hóa theo hợp đồng đã ký kết.

Ngày 05-5-2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H thực hiện việc lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn H công nhận nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 3.395.059.000 đồng. Đến ngày 13-5-2021, Công ty Trách nhiệm hữu

hạn H thanh toán số tiền là 500.000.000 đồng và tiếp tục ký biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận ngày 23-9-2021 xác nhận còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền là 2.895.059.000 đồng và cam kết đến trước ngày 31-12-2021 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ nói trên. Tuy nhiên, đến nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

[3] Về số tiền lãi: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải trả tiền nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 01/01/2022 đến khi Tòa án giải quyết vụ án theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 12/7/2023 là ngày xét xử sơ thẩm được tính như sau: 2.895.059.000 đồng x 0,8333%/tháng x 18 tháng + 2.895.059.000 đồng x 0,0278%/ngày x 12 ngày = 443.899.396 đồng.

[4] Về số tiền phải trả:

Từ các phân tích tại mục [2] và [3], Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/7/2023 là 3.338.958.396 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 2.895.059.000 đồng, tiền nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 443.899.396 đồng.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền còn nợ tính đến ngày 12/7/2023 là 3.338.958.396 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 2.895.059.000 đồng (hai tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng), tiền nợ lãi do

chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 443.899.396 đồng (bốn trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 98.779.168 đồng (chín mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.558.552 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm năm mươi hai đồng). theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008482 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, THADS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính